

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 14- 3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Phương

Ông: Võ Thanh Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. LÊ THỊ PHƯƠNG T, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1985, tại Quảng Bình. ĐKNKTT và chỗ ở: TDP11, phường B, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hải D, sinh năm: 1954 và bà: Trần Thị L, sinh năm 1956; ông, bà hiện trú tại: phường B, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; chồng: Lê Thanh T, sinh năm 1985, hiện trú tại TDP11, phường B, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; con có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập.

2. NGUYỄN LƯƠNG S, tên gọi khác: V, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1986, tại Quảng Bình. ĐKNKTT và chỗ ở: TDP9, phường B, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trung T, sinh năm: 1958 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1957; hiện trú tại: phường B, thành phố ĐH,

tỉnh Quảng Bình; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/02/2014 bị Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo vì đã có hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập.

3. TRẦN HỮU L, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1979, tại Nghệ An. ĐKNKTT và chỗ ở: TDP2, phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T (đã chết) và bà: Phan Thị L, sinh năm: 1947; hiện trú tại: phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Vợ: Trần Thị T, sinh năm: 1981, hiện trú tại: TDP2, phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình, con có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/6/1999 bị Phòng PC14 Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo vì đã có hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập.

4. NGÔ KIM P, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1968, tại Nghệ An. ĐKNKTT và chỗ ở: 112/558C khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Kim L, sinh năm: 1930 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1936; hiện trú tại: HP, HN, Nghệ An; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1971, hiện trú tại: Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, con có 04 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/5/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai tuyên phạt 27 tháng tù về tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại Điều 267 BLHS theo Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2011/HSST ngày 24/5/2011. Từ ngày 27/4/2010 đến ngày 27/4/2012 thi hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, hiện đã được xóa án tích. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Hữu L, có ông Lê Minh T – Luật sư văn phòng HD thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt có lý do.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm: 1971; TT: 112/558C khu phố 2, phường T, TP B, tỉnh Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2017, Lê Tú A, sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 11, phường B, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình (lúc này A đang ở tại nước Newzealand) liên lạc bằng điện thoại với Lê Thị Phương T nhờ tìm người làm cho A 01 giấy phép lái xe hạng B2 giả mang tên Lê Tú A. T nhận lời và liên lạc với Nguyễn Lương S để nhờ S tìm người làm giúp, S đồng ý. S liên lạc với Trần Hữu L để nhờ tìm người làm giúp, L đồng ý và L đã liên hệ với Ngô Kim P để nhờ P làm. P đồng ý và yêu cầu L cung cấp cho P thông tin cá nhân, 02 ảnh màu 3x4 và bản sao giấy chứng minh nhân dân của Lê Tú A và số tiền 2.500.000 đồng.

Sau khi thỏa thuận xong, L liên lạc và báo lại cho S chi phí làm hết 4.000.000 đồng, S báo lại cho T và bảo T gửi 4.000.000 đồng, 02 ảnh (3x4)cm, 01 bản photocopy chứng minh nhân dân của Lê Tú cho S để S gửi cho L. L gửi ảnh và bản Photocopy chứng minh nhân dân của Lê Tú A vào cho P và ra máy ATM Ngân hàng Vietcombank chuyển số tiền 2.500.000 đồng vào số tài khoản 0481000715852 mang tên Nguyễn Thị Quỳnh A (là vợ của Ngô Kim P). Sau khi nhận tiền và các giấy tờ do L chuyển vào thì P đã liên lạc với một người phụ nữ có tên là Th qua số điện thoại 0948502923 để nhờ Th làm giấy phép lái xe giả nói trên. Th đồng ý và thỏa thuận chi phí hết 2.000.000 đồng.

Khoảng một tuần sau Th làm xong và đưa cho P rồi P gửi xe khách ra cho L. L nhận được giấy phép lái xe ô tô hạng B2 giả do P gửi ra rồi đưa lại cho S, S đưa lại cho T thì T phát hiện thông tin trên giấy phép lái xe giả nói trên bị sai lệch, cụ thể tên là Lê Tú A bị in sai thành Lê Tư A và địa chỉ in sai là X. B, H. Đ, T. Quảng Bình nên đã nhờ S điều chỉnh lại. S báo L rồi L liên lạc lại với P yêu cầu P điều chỉnh. Khoảng 01 tuần sau L nhận được giấy phép lái xe giả do P đã điều chỉnh cùng giấy phép lái xe giả bị in sai (tổng cộng 02 giấy phép lái xe giả) và gọi S đến lấy và đưa lại cho T.

Sau khi nhận được giấy phép lái xe giả, ngày 31/7/2017 T đến Bưu điện thành phố Đồng Hới gửi chuyển phát nhanh 02 giấy phép lái xe giả nói trên cho Lê Tú A theo địa chỉ ELBI NGUYEN 2/48 WOODSTOCK ROAD FORRET HILL AUCKLAND 0620 Newzealand thì bị phát hiện thu giữ.

Quá trình liên hệ làm giấy phép lái xe giả L đã nhận 4.000.000 đồng từ S (do T đưa cho S), L chuyển khoản hết 2.500.000 đồng, trả chi phí xe hết 600.000 đồng, L hưởng lợi 900.000 đồng. P hưởng lợi 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 738/GĐ-PC54 ngày 10/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Giấy phép lái xe hạng B2 số 440045026400, họ tên Lê Tú A, ngày sinh 22/6/1990, nơi cư trú P. B, TP. Đ, T. Quảng Bình, ký hiệu A1 là giấy phép lái xe giả; Giấy phép lái xe hạng B2, số 440045026400, họ tên Lê Tư A, ngày sinh 22/6/1990, nơi cư trú X. B, H. Đ, T. Quảng Bình, ký hiệu A2 là giấy phép lái xe giả.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Hữu L, Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ một số giấy tờ có liên quan, đã trưng cầu giám định và điều tra làm rõ.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Kim P (vợ là Nguyễn Thị Quỳnh A) Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ 01 mẫu dấu hình trong bằng chất liệu dẻo, ở giữa có dòng chữ SỔ DU LỊCH, vòng quanh có dòng chữ CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM*THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG được dán vào một miếng gỗ. Tại Bản kết luận giám định số 44/GĐ-PC54 ngày 25/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Hình dấu tròn có nội dung SỔ DU LỊCH * CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM * THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG trên tài liệu cần giám định ký hiệu là A so với hình dấu tròn có nội dung SỔ DU LỊCH* CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Cáo trạng số: 30/CT-VKS-P1 ngày 31-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo: Lê Thị Phương T, Nguyễn Lương S, Trần Hữu L, Ngô Kim P về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự. năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự và nhân thân đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Nghị quyết 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và Công văn 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41 của Quốc Hội. Áp dụng Khoản 1 Điều 267; Điều h, p Khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999, điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 phạt Lê Thị Phương T từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ; phạt Trần Hữu L từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ; phạt Ngô Kim P từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ cùng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Khoản 1 Điều 267; Điều h, p Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 phạt Nguyễn Lương S từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Đề nghị tịch thu tiền thu lợi bất chính 1.400.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa tuyên: tịch thu tiêu hủy toàn bộ giấy tờ (gồm 11 khoản) tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2018 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ý kiến của Luật sư tại bài bào chữa cho bị cáo Trần Hữu L đề nghị xem xét thêm cho bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị Phương T, Nguyễn Lương S, Trần Hữu L, Ngô Kim P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể: Vào tháng 7/2017, Lê Thị Phương T đã liên lạc với Nguyễn Lương S để tìm người làm giấy tờ giả là bằng lái xe B2. S lại tìm Trần Hữu L nhờ tìm người làm, L đã liên hệ được với Ngô Kim P và cung cấp các thông tin cùng ảnh để làm bằng. Các bên đã thỏa thuận được tất cả các nội dung cũng như trao đổi về giá cả. Sau khi P tìm được người làm bằng giả thì chuyển ra lại cho L để L chuyển cho S, S đưa lại cho T. Khi nhận được bằng giả thì T làm thủ tục chuyển gửi cho người nhà thì bị phát hiện thu giữ. Hành vi của Lê Thị Phương T, Nguyễn Lương S, Trần Hữu L và Ngô Kim P đã xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về trật tự quản lý hành chính.

Xét lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Lê Thị Phương T, Nguyễn Lương S, Trần Hữu L và Ngô Kim P đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, được quy định tại Khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này các bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu. Tuy nhiên tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ đơn giản. Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là cố ý, mặc dù có trình độ nhận thức về xã hội nhất định nhưng vì động cơ mục đích lợi nhuận, vì lợi ích cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, biết hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan

Nhà nước để lừa dối cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật. Đây là vụ án có hành vi thực hiện trước ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực nên việc điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện theo các quy định của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và Công văn 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41 của Quốc Hội, cần áp dụng quy định có lợi cho các bị cáo. Xét tính chất đồng phạm, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Lê Thị Phương T là người trưởng thành có đủ khả năng, trình độ nhận thức và biết rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì mối quan hệ gia đình, quá cả nể nên khi em trai của chồng là Lê Tú A điện thoại đặt vấn đề cần làm bằng lái xe B2 giả thì bị cáo đã dò hỏi, tìm người để làm cho bằng được. Xét về nhân thân bị cáo T lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hiện đang nuôi con nhỏ, về nhân thân có lai lịch tốt. Tuy là người có vai trò chính trong vụ án nhưng xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính bột phát với mục đích cá nhân, gia đình mà không vì vụ lợi. Nhằm phục vụ nhu cầu không chính đáng của người thân, làm ảnh hưởng trật tự quản lý của xã hội. Hành vi của bị cáo đã hoàn thành nên phải chịu hình phạt theo khoản 1 Điều 267 BLHS, hành vi chưa gây ra hậu quả hay thiệt hại thì bị phát hiện; quá trình điều tra, truy tố thì bị cáo cũng đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm để giải quyết vụ án; bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Bố mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng được tặng nhiều huân, huy chương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Việc xét xử bị cáo nhằm đảm bảo sự nghiêm trị của pháp luật đối với các hành vi sai trái, nhưng đồng thời cũng cho bị cáo cơ hội nhìn nhận, sửa chữa khắc phục lỗi lầm. Hội đồng xét thấy, chưa cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng là phù hợp với tính chất, mức độ và hoàn cảnh của bị cáo T.

Đối với bị cáo Nguyễn Lương S, biết rõ yêu cầu của T là vi phạm pháp luật nhưng cũng vì mối quan hệ quen biết họ hàng nên bị cáo đã tìm cách liên hệ dò hỏi rồi móc nối với Trần Hữu L để làm giấy tờ giả. Nhân thân của bị cáo đã từng bị cảnh cáo vì có hành vi gây rối trật tự công cộng, đáng lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm trong việc chấp hành pháp luật nhưng chỉ vì lối suy nghĩ đơn giản, có người quen nhờ mà biết thì bị cáo đồng ý. Bị cáo đã rất tích cực trong việc đưa chuyển thông tin, giấy tờ cũng như nhận chuyển tiền trong mắt xích làm bằng giả mang tên Lê Tú A. Tuy bị cáo S chỉ đóng vai trò giúp sức, mục đích của bị cáo không vì vụ lợi nhưng cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999. Về mức độ thì hành vi của bị cáo S có phần thấp hơn bị cáo T; bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra truy tố đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm để giải quyết vụ án nên sẽ được xem xét áp dụng tình tiết tại điểm h, p

khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 và tình tiết giảm t khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 khi cân nhắc hình phạt. Hiện bị cáo S đang mắc bệnh tiểu đường typ 2 phải điều trị ngoại trú. Xét tính chất, mức độ và nhân thân của bị cáo cũng như hoàn cảnh bệnh tật của S, HĐXX nhận thấy áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo nhằm tước một phần thu nhập của bị cáo cũng phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính răn đe, đồng thời cho bị cáo có cơ hội để chữa bệnh.

Đối với Trần Hữu L, biết rõ việc làm giấy tờ giả là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng từng bị xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không biết giữ mình, vì mục đích vụ lợi nên bị cáo đồng ý tìm nơi làm bằng B2 giả theo yêu cầu của S. Hành vi của L chỉ là thứ yếu, giúp sức cho đồng bọn hoàn thành hành vi làm giả giấy tờ nhưng cũng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 267 BLHS 1999. Bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tỏ ra ăn năn hối cải, thật thà khai báo; đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc làm vi phạm pháp luật của bản thân; đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; mẹ của bị cáo - bà Phan Thị L là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, do đó HĐXX sẽ áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1,2 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Xét thấy, hoàn cảnh của bị cáo thấy rằng bố bị cáo là ông Trần Văn T – thuyền phó BBT 07 trong khi làm nhiệm vụ đã mất tích, nhưng lại bị kết luận oan và sau đó được minh oan, nay đã được tuyên bố là đã chết theo Quyết định số 37/2009/QĐST-VDS ngày 04/8/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới; hiện bị cáo đang ở cùng vợ con để chăm sóc mẹ của bị cáo; bị cáo là lao động chính trong nhà; việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo nhằm tước đoạt một phần thu nhập cũng đủ răn đe giáo dục chung và cũng là phù hợp với đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Đối với Ngô Kim P cũng vì mục đích vụ lợi, kiếm phần chênh lệch khi móc nối, giao dịch làm giấy tờ giả. Hơn ai hết bị cáo đã từng bị kết án về hành vi làm giả giấy tờ, con dấu của cơ quan, tổ chức lại không lấy đó làm bài học để giữ mình. Cũng chỉ vì suy nghĩ đơn giản là thời gian đã lâu, nay không còn án tích, với một phút cả nể khi uống rượu vào, có người liên hệ muốn làm giấy tờ giả, thấy L quá thiết tha cầu khẩn nên P lại nhận lời móc nối tiếp với một người tên Th để làm được giấy tờ giả bằng lái xe B2. Hành vi của bị cáo tuy chỉ là móc nối, giúp sức nhưng cũng phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra theo quy định tại khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999. Trong quá trình điều tra, tuy tổ cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc làm vi phạm pháp luật của bản thân. Bố của bị cáo ông Ngô Kim L là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng và cho hưởng nhiều chế độ ưu đãi với người có công. Bà ngoại của bị cáo là mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 và điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo đang là lao

động chính trong gia đình, con còn nhỏ. HĐXX thấy áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và hoàn cảnh của bị cáo.

[3] Trong vụ án còn có: Đối tượng Lê Tú A, sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú tại TDP 11, BL, DH, Quảng Bình: Khi diễn ra hành vi phạm tội thì Lê Tú A đang xuất cảnh sang nước Newzealand. Đến ngày 17 tháng 11 năm 2017 Lê Tú A đã nhập cảnh trở về Việt Nam, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương và tại gia đình thì hiện tại Lê Tú A không có mặt tại địa phương và gia đình không biết Lê Tú A hiện đang ở đâu. Vì vậy chưa đủ căn cứ để khởi tố hình sự đối với Lê Tú A. Hiện tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đang tiếp tục xác minh đối với Lê Tú A, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối tượng tên là Th mà theo lời khai của Ngô Kim P là đã được P thuê làm giấy phép lái xe giả mang tên Lê Tú A, tuy nhiên Phụng không biết rõ Th sinh ngày tháng năm nào, quê quán, nơi thường trú ở đâu và Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh số điện thoại mà Ngô Kim P cung cấp nhưng không có kết quả nên chưa có căn cứ để khởi tố đối với Th. Cơ quan An ninh điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối tượng Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1971, trú tại 112/558C khu phố 2, phường T, T.P B, tỉnh Đ, (vợ của bị can P) là chủ sở hữu tài khoản có số 0481000715852 mà Trần Hữu L đã chuyển khoản số tiền 2.500.000 đồng cho Ngô Kim P để làm giấy phép lái xe giả. Tuy nhiên khi L chuyển tiền và mục đích chuyển tiền A không biết nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với A. Tuy nhiên tại phiên tòa cần nhắc nhở để làm bài học chung cho mọi người.

Đối với các đối tượng có tên trong các giấy tờ thu được trong quá trình khám xét tại nhà của Trần Hữu L, Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

[4] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 106 BLTTHS 2015 cần tịch thu tiêu hủy những vật chứng, giấy tờ giả, không có giá trị sử dụng; không có đối tượng nhận, gồm:

01) 01 (một) Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Lê Tú A, chất liệu nhựa cứng, nền màu vàng, in chữ tiếng Việt và tiếng Anh;

02) 01 (một) Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Lê Tư A, chất liệu nhựa cứng, nền màu vàng, in chữ tiếng Việt và tiếng Anh;

03) 01 (một) mẫu dấu hình tròn bằng chất liệu dẻo, ở giữa có chữ SỞ DU LỊCH, vòng quanh có dòng chữ CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM * THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG được dán vào một miếng gỗ;

04) 01 (một) tờ giấy cứng, một mặt ghi thông tin Bằng tốt nghiệp Đại học do Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Bách khoa cấp cho Nguyễn Lê C, mặt còn lại màu trắng có viết chữ màu xanh. Tờ giấy này được ghim cùng với một tờ giấy cứng khác có kích cỡ tương tự, một mặt giấy có nền màu trắng ghi chữ viết mực xanh, mặt còn lại màu đỏ nhạt có in mờ hình quốc huy và chữ BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC;

05) 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039744, cấp cho Nguyễn Thị H ở tiểu khu 11, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình, biển số đăng ký đối với phương tiện xe nhãn hiệu PIAGGIO, loại xe LIBERTY, BKS 73B1-010.89, cấp ngày 17/10/2014.

06) 01 (một) tờ giấy A4 một mặt in hình chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy với thông tin chủ xe Nguyễn Thị H, mặt còn lại có nhiều dòng chữ viết tay;

07) 01 (một) ảnh chụp màu bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp mang tên Ngô Minh Q;

08) 03 (ba) tờ giấy A4 màu trắng, trên đó có nhiều dòng chữ in mờ;

09) 01 (một) tờ giấy ô ly trên đó có nhiều dòng chữ viết tay;

10) 01 (một) bộ hồ sơ học sinh học nghề mang tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/11/1973, bên trong có: một sơ yếu lý lịch, một bản phô tô chứng minh nhân dân, một đơn xin cấp giấy phép lái xe, một giấy chứng nhận sức khỏe, một số ảnh chụp chân dung để trong một túi giấy có in tên THÀNH VƯƠNG;

11) 01 (một) bộ hồ sơ học sinh học nghề mang tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/4/1976, bên trong có: một đơn xin thi giấy phép lái xe, một sơ yếu lý lịch, một bản phô tô chứng minh nhân dân, một giấy chứng nhận sức khỏe, một số ảnh màu cá nhân, một phong bì có họ tên ở mục người nhận Nguyễn Đức H, thôn Thanh Khê, Thanh Trạch;

(Vật chứng có tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2018 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới).

12) Tiền Ngân hàng nhà nước 1.400.000đ là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ.

(Tiền vật chứng hiện có tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Ủy nhiệm chi ngày 26/02/2018 giữa Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Bình với Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình).

Truy thu từ bị cáo Ngô Kim P số tiền 2.000.000đ là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo khai đã chuyển cho đối tượng tên Th, nhưng hiện nay cơ quan điều tra chưa có cơ sở làm rõ và bị cáo P xác định chịu trách nhiệm nộp lại.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Phương T, Nguyễn Lương S, Trần Hữu L, Ngô Kim P phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

2. Về Điều luật áp dụng: Căn cứ Nghị quyết 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và Công văn 04/TANDTC-

PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41 của Quốc Hội.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 267; Điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Lê Thị Phương T, Ngô Kim P, Trần Hữu L.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 267; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Lương S.

3. Về Hình phạt:

- Xử phạt Lê Thị Phương T số tiền: 25.000.000đ
- Xử phạt Nguyễn Lương S số tiền: 15.000.000đ
- Xử phạt Trần Hữu L số tiền: 20.000.000đ
- Xử phạt Ngô Kim P số tiền: 20.000.000đ

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999, Điều 106 BLTTDS 2015 tịch thu tiêu hủy:

01) 01 (một) Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Lê Tú A, chất liệu nhựa cứng, nền màu vàng, in chữ tiếng Việt và tiếng Anh;

02) 01 (một) Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Lê Tư A, chất liệu nhựa cứng, nền màu vàng, in chữ tiếng Việt và tiếng Anh;

03) 01 (một) mẫu dấu hình tròn bằng chất liệu dẻo, ở giữa có chữ SỞ DU LỊCH, vòng quanh có dòng chữ CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM * THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG được dán vào một miếng gỗ;

04) 01 (một) tờ giấy cứng, một mặt ghi thông tin Bằng tốt nghiệp Đại học do Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Bách khoa cấp cho Nguyễn Lê C, mặt còn lại màu trắng có viết chữ màu xanh. Tờ giấy này được ghim cùng với một tờ giấy cứng khác có kích cỡ tương tự, một mặt giấy có nền màu trắng ghi chữ viết mực xanh, mặt còn lại màu đỏ nhạt có in mờ hình quốc huy và chữ BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC;

05) 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039744, cấp cho Nguyễn Thị H ở tiểu khu 11, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình, biển số đăng ký đối với phương tiện xe nhãn hiệu PIAGGIO, loại xe LIBERTY, BKS 73B1-010.89, cấp ngày 17/10/2014.

06) 01 (một) tờ giấy A4 một mặt in hình chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy với thông tin chủ xe Nguyễn Thị H, mặt còn lại có nhiều dòng chữ viết tay;

07) 01 (một) ảnh chụp màu bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp mang tên Ngô Minh Q;

08) 03 (ba) tờ giấy A4 màu trắng, trên đó có nhiều dòng chữ in mờ;

09) 01 (một) tờ giấy ô ly trên đó có nhiều dòng chữ viết tay;

10) 01 (một) bộ hồ sơ học sinh học nghề mang tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/11/1973, bên trong có: một sơ yếu lý lịch, một bản phô tô chứng minh nhân dân,

một đơn xin cấp giấy phép lái xe, một giấy chứng nhận sức khỏe, một số ảnh chụp chân dung để trong một túi giấy có in tên THÀNH VƯƠNG;

11) 01 (một) bộ hồ sơ học sinh học nghề mang tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 01/4/1976, bên trong có: một đơn xin thi giấy phép lái xe, một sơ yếu lý lịch, một bản phô tô chứng minh nhân dân, một giấy chứng nhận sức khỏe, một số ảnh màu cá nhân, một phong bì có họ tên ở mục người nhận Nguyễn Đức H, thôn Thanh Khê, Thanh Trạch;

(Vật chứng có tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2018 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới).

12) Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, tổng cộng 1.400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

(Tiền vật chứng hiện có tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Ủy nhiệm chi ngày 26/02/2018 giữa Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Bình với Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình).

5. Áp dụng Điều 41 BLHS 1999 truy thu tiền thu lợi bất chính tại Ngô Kim P số tiền: 2.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

6. **Án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 99 BLTTHS Điều 21, 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí buộc các bị cáo Lê Thị Phương T, Nguyễn Lương S, Trần Hữu L, Ngô Kim P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Công an TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp;
- Người có QLNVLQ; / nếu có
- Lưu hồ sơ và án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhân